**TOÁN ( TIẾT 13)**

**BÀI 5: LUYỆN TẬP (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

 **-**Nhận biết được số liền trước, số liền sau, số hạng, tổng. Sắp xếp được bốn số theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại.

- Thực hiện phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100.

- Giải được bài toán đơn liên quan đến so sánh hai số (hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị)

**2. Năng lực:**

- Phát triển năng lực chung và năng lực đặc thù*:*

**3. Phẩm chất:**

*-* Giáo dục cho HS tình yêu với Toán học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**\* Giáo viên:** - Máy tính, bài giảng điện tử....

**\* Học sinh**: - VBT, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1 . HĐ mở đầu: ( 3 – 4’)***\*MT: Ôn tập củng cố cho học sinh và từng bước làm quen bài học.**\*CTH:*HS ĐT và tính 35 + 43, 74 – 30Gv nhận xétGiới thiệu vào bài.**2.Luyện tập- Thực hành: (27 – 28’)***\*MT:**HS thực hiện được phép cộng, phép trừ và so sánh các số.Giải và trình bày toán có lời văn.**\*CTH:**Bài 1:* **-** GV cho HS đọc yêu cầu bài.- Câu a: GV cho HS nêu yêu cầu của bài. + GV cho HS nêu cách làm: Tính kết quả từng phép tính, tìm những phép tính có cùng kết quả. + GV cho HS làm bài rồi chữa bài.- Câu b: GV cho HS nêu yêu cầu của bài. Cho HS làm bài tương tự.Gv nhận xét*Bài 2:* GV cho HS đọc BT2.- GV hướng dẫn HS tìm số ở ô có dấu “?” dựa vào tính nhẩm.*Chẳng hạn với câu a: 1 chục cộng mấy chục bằng 2 chục? (1 chục cộng 1 chục bằng 2 chục). Từ đó có số phải tìm là 10.* - GV cho HS làm bài. Khi chữa bài, yêu cầu HS nêu cách làm từng trường hợp. *Bài 3:*Cho HS đọc bài tập 3.- GVHDHS nắm vững yêu cầu- GV hướng dẫn HS cách làm: Tính lần lượt từ trái sang phải.- GV làm mẫu. - GV cho HS làm bài rồi chữa bài. GV nhận xétBài 4:GV cho HS quan sát tranh BT4, yêu cầu HS đọc đề bài.- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài: + Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì? - GV cho HS nêu miệng phép tính và câu trả lời. - GV cùng HS nhận xét.- GVHDHS viết vào vở bài 4.Bài 5:Bước đầu hình thành và triển khả năng quan sát, nhận xét, khái quát hoá. - GV hướng dẫn HS quan sát, nhận xét.- GV cho HS làm bài vào VBT.Gv nhận xét.**3. Vận dụng trải nghiệm: ( 3 – 4’)***\*MT:**Giúp HS củng cố, khắc sâu ND bài**\*CTH**-LH: Lớp 2A có 36 học sinh. Lớp 2B có 32 học sinh. Cả 2 lớp có bao nhiêu học sinh?**- Về nhà ôn lại phép tính cộng, trừ trong phạm vi 100.*- Hôm nay em học bài gì? - Nhận xét giờ học. | - HS làm bài.- HS nghe.- HS ngheBài tập 1: Viết mỗi số thành tổng- HS đọc.- HS trả lời.- HS làm bài vào vở.+ Kết quả: Những phép tính có cùng kết quả là: 5 + 90 và 98 – 3. Câu b. HS làm tương tự câu a.+ Kết quả: Phép tính 14 + 20 có kết quả bé nhất. - HS ngheBài tập 2: Số?- HS đọc.- HS nêu. a) 10 + 10 = 20 b) 30 – 10 = 20c) 50 + 20 = 70 d) 80 -40 = 40- HS ngheBài tập 3:- HS đọc.- HS trả lời.50 + 18 – 45= 68 – 45 = 2376 – 56 + 27= 20 + 27 = 47- HS ngheBài tập 4:- HS đọc, trả lời - HS nhận xét, viết vào vở bài làm.Bài giảiSố ghế trống trong rạp xiếc là:96 – 62 = 34 (ghế)Đáp số: 34 ghế.- HS ngheBài tập 5:- HS quan sát hình và nhận xét.*+ Ở hai hình đầu có: 12 + 4+ 3= 19 10 + 13 + 5 = 28.* *+ Từ đó nhận ra: Tổng ba số ở ba hình tròn bằng số ở trong hình tam giác.**+ Ta có 33 + 6 + 20 = 59. Vậy số ở trong hình tam giác thứ ba là 59.* - HS nghe- HS trả lời.- HS nghe.- HS chia sẻ- HS nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** *( nếu có).*

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................